

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 230/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2019

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1766/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 260/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 7A, xã S, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Nguyễn Văn Tò, KP Thái Hòa, P. G, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D có đơn xin vắng mặt, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn ông Phan Văn D trình bày: Ông và bà N đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND P. G, TP. B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2006 ngày 31/8/2006, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn cuộc sống chung không hạnh phúc do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, bà N thường xuyên có những lời lẽ không hay, thường xuyên xúc phạm danh dự với ông và gia đình ông, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên ông xin ly hôn với bà N.

Về con chung: có 02 người con chung gồm:

- Phan Văn Nhân, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005.
- Phan Doanh Doanh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007.

Sau khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cháu Nhân cho ông trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giao cháu Doanh cho bà N trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay cháu Nhân đang ở chung với ông từ trước đến nay, cháu Doanh đang ở với bà N.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bà Đào Thị N trình bày: bà N xác định bà và Ông D xây dựng gia đình với nhau và đăng ký kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện đúng như Ông D khai. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, có cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nhưng do Ông D có người phụ nữ khác không còn thương yêu bà như xưa, vợ chồng đã sống ly thân 07 năm nay nhưng vì hai con nhỏ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 người con chung gồm:

- Phan Văn Nhân, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005.
- Phan Doanh Doanh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà có nguyện vọng xin được nuôi cháu Doanh, giao cháu Nhân cho Ông D nuôi dưỡng, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa Ông D và bà N là hôn nhân hợp pháp, Ông D có đơn xin ly hôn bà N và cả hai bên đương sự vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt hai bên đương sự, về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông D vì mâu thuẫn vợ chồng của Ông D, bà N là có thật, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau cuộc sống không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã ly thân hơn 07 năm bà N cho rằng Ông D ngoại tình nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Ông D có người phụ nữ khác. Theo như địa phương xác nhận vợ chồng Ông D sống chung với nhau có mâu thuẫn không thì địa phương không nắm rõ vì không có báo với địa phương. Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của Ông D.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm:

- Phan Văn Nhân, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005.
- Phan Doanh Doanh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007.

Ly hôn, giao cháu Nhân cho Ông D nuôi dưỡng, giao cháu Doanh cho bà N nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tài sản chung, không có, không xem xét giải quyết và nợ chung đương sự trình bày không có, nên không xem xét giải quyết, án phí ly hôn Ông D phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phan Văn D xin ly hôn với bà Đào Thị N, đương sự có nơi cư trú tại địa chỉ: 259, Nguyễn Văn Tổ, KP Thái Hòa, P. G, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn ông Phan Văn D có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại phiên Tòa và bị đơn bà Đào Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn D và bà Đào Thị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND P. G, TP. B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2006 ngày 31/8/2006 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình vợ chồng chung sống vợ chồng Ông D và bà N đều xác định có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vã nhau cuộc sống không hạnh phúc và đã sống ly thân hơn 07 năm nay, bà N cho rằng Ông D ngoại tình nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Ông D và bà N đã thật sự trầm trọng, cả hai ông bà đều xác định vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn, có cãi vã nhau cuộc sống chung không hạnh phúc và đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân P. G xác định quá trình chung sống vợ chồng Ông D, bà N có xảy ra mâu thuẫn không thì địa phương không biết do không có báo với địa phương. Bà N cho rằng Ông D ngoại tình nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, quá trình Ông D nộp đơn ly hôn tại Tòa án bà N không tham gia các buổi làm việc, hòa giải đoàn tụ chứng tỏ ông bà N cũng không tha thiết hàn gắn đoàn tụ với Ông D. Từ những phân tích trên nghĩ nên chấp nhận đơn xin ly hôn của Ông D, giải quyết cho Ông D được ly hôn với bà N là phù hợp.

[4] Về con chung: có 02 cháu Phan Văn Nhân, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005, Phan Doanh Doanh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007. Ly hôn Ông D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nhân, giao cháu Doanh cho bà N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, bà N cũng thống nhất với ý kiến của Ông D điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhân, cháu Doanh có nguyện vọng được ở chung với cả ba và mẹ tuy nhiên hiện nay cháu Nhân đang ở chung với Ông D, cháu Doanh đang ở chung với bà N do đó giao cháu Nhân cho Ông D nuôi dưỡng, giao cháu Doanh cho bà N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông D, bà N không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm thời không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, Ông D phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn D. Cho ông Phan Văn D được ly hôn với bà Đào Thị N.

Về con chung: Giao cháu Phan Văn Nhân, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005 cho Ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Phan Doanh Doanh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên Ông D, bà N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, Ông D và bà N được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Phan Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 0000049 ngày 05/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông D đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Phan Văn D và bà Đào Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND xã Đức Lĩnh (1)

Phan Thị Thu Thương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)

Hoàng Thị Thu Minh